

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 47

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xi nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Đồng bằng sông Cửu Long	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương - Chi nhánh Hà Nội	Phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Đình Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Trưởng Ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Kim Liên  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61201380/19317808-HN-LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 12 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Trần Phú Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

81  
CỔ  
7  
ISI  
TỆ  
HI  
H  
KH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>820.405.197.665</b>	<b>802.640.135.667</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>183.538.548.019</b>	<b>177.548.165.322</b>
111	1. Tiền		124.023.919.619	156.499.159.717
112	2. Các khoản tương đương tiền		59.514.628.400	21.049.005.605
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>667.791.000</b>	<b>1.178.270.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		731.612.000	1.178.270.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(63.821.000)	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>254.703.241.479</b>	<b>269.943.463.267</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	171.537.603.973	196.438.173.625
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	48.923.910.284	41.690.358.184
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		160.000.000	200.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	39.785.842.902	36.692.398.109
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 8	(5.760.634.343)	(5.330.934.860)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		56.518.663	253.468.209
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>372.880.865.308</b>	<b>344.275.927.522</b>
141	1. Hàng tồn kho		376.501.865.145	347.520.644.620
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.620.999.837)	(3.244.717.098)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.614.751.859</b>	<b>9.694.309.556</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	5.633.235.791	6.492.786.105
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.878.970.353	3.177.405.967
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		102.545.715	24.117.484

02-  
 T  
 H  
 Y  
 C  
 N  
 A  
 H  
 A  
 I  
 N  
 O  
 I

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>678.133.877.631</b>	<b>683.890.214.289</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>433.445.588.556</b>	<b>436.003.538.712</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	223.141.311.031	224.359.917.589
222	Nguyên giá		388.653.101.704	376.088.347.491
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(165.511.790.673)	(151.728.429.902)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	210.304.277.525	211.643.621.123
228	Nguyên giá		228.763.691.187	228.095.541.187
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.459.413.662)	(16.451.920.064)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>25.733.345.453</b>	<b>14.557.490.626</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	25.733.345.453	14.557.490.626
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>13.333.640.000</b>	<b>13.333.640.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13 333 640 000	13 333 640 000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>205.621.303.622</b>	<b>219.995.544.951</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.456.281.319	11.784.204.532
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	2.188.954.470	4.173.898.471
269	3. Lợi thế thương mại	16	190.976.067.833	204.037.441.948
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.498.539.075.296</b>	<b>1.486.530.349.956</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>362.813.411.619</b>	<b>400.854.685.081</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>327.148.313.339</b>	<b>358.186.726.381</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	70.920.314.984	83.679.436.281
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	19.222.430.091	45.500.445.324
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	7.325.699.545	14.497.207.243
314	4. Phải trả người lao động		26.377.859.445	30.954.602.764
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.621.939.137	5.160.036.059
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		68.145.000	70.730.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	53.509.465.086	38.003.779.691
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	21	117.284.068.075	123.225.506.839
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.818.391.976	17.094.982.180
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>35.665.098.280</b>	<b>42.667.958.700</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.933.262.705	1.048.438.705
338	2. Vay và nợ dài hạn	21	-	7.762.735.950
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	33.731.835.575	33.858.784.045
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.135.725.663.677</b>	<b>1.085.675.664.875</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>1.135.725.663.677</b>	<b>1.085.675.664.875</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	22.1	152.950.000.000	152.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		152.950.000.000	152.950.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ	22.1	(40.000.000)	(40.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	314.246.393.040	266.787.107.432
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	126.427.310.437	139.897.046.908
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đến cuối kỳ/năm trước		36.341.470.602	(11.645.545.478)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay		90.085.839.835	151.542.592.386
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	210.896.432.350	194.835.982.685
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.498.539.075.296</b>	<b>1.486.530.349.956</b>

Người lập  
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng  
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc  
Trần Kim Liên

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	796.845.862.241	744.246.358.847
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	57.249.436.363	64.505.468.718
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	25.1	739.596.425.878	679.740.890.129
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	492.337.912.192	449.494.624.292
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		247.258.513.686	230.246.265.837
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	7.093.793.671	3.096.108.238
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: chi phí lãi vay	27	10.333.971.905 4.313.332.014	11.416.551.171 7.641.006.424
25	8. Chi phí bán hàng	28	59.638.645.735	59.536.541.758
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	75.870.732.943	70.982.730.254
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		108.508.956.774	91.406.550.892
31	11. Thu nhập khác	29	1.606.736.988	1.351.801.304
32	12. Chi phí khác	29	1.944.220.528	109.055.478
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(337.483.540)	1.242.745.826
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		108.171.473.234	92.649.296.718
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	7.784.901.155	6.172.386.234



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>108.171.473.234</b>	<b>92.649.296.718</b>
	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		28.521.172.360	28.551.708.299
03	Các khoản dự phòng		1.754.627.222	(10.807.759.421)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		206.817.734	(492.401.434)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.925.780.478)	(1.322.981.633)
06	Chi phí lãi vay		4.313.332.014	7.641.006.424
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>137.041.642.086</b>	<b>116.218.868.953</b>
09	Giảm các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho		15.112.601.910	110.610.428.033
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(28.981.220.525)	38.051.777.047
11	Giảm các khoản phải trả		(17.627.061.955)	(35.877.593.449)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		187.473.527	(4.269.635.630)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		446.658.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.978.369.282)	(8.036.306.072)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.337.951.260)	(6.965.180.207)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.660.497.377)	(11.652.051.392)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>65.203.275.124</b>	<b>198.080.307.283</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(28.099.837.288)	(16.540.394.684)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		22.727.273	-
24	Tiền thu hồi cho vay		40.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(743.440.900)	
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.921.632.398	1.323.453.305
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(21.858.918.517)</b>	<b>(15.216.941.379)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(20.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		133.162.500.000	173.003.895.798
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(146.866.674.714)	(290.008.731.085)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(23.656.542.000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(37.360.716.714)</b>	<b>(117.024.835.287)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>5.983.639.893</b>	<b>65.838.530.617</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>177.548.165.322</b>	<b>68.677.496.884</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.742.804	(5.643.079)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>183.538.548.019</b>	<b>134.510.384.422</b>



Người lập  
Nguyễn Thị Như Quỳnh



Kế toán trưởng  
Phan Thế Tỷ



Tổng Giám đốc  
Trần Kim Liên

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Đồng bằng sông Cửu Long	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Chi nhánh Hà Nội	Phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 675 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 668 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức***

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,61%	61,61%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
4	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nam An (*)	43,13%	70,00%	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	51,59%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam (Thuyết minh số 4)	71,60%	71,60%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu, nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.

(\*) Công ty nắm giữ các công ty con này gián tiếp qua một công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các lỗi tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa công ty mẹ và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

*Bản quyền*

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty và công ty con tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	2 - 5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho công nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. MUA THÊM CỔ PHẦN TẠI CÔNG TY CON

##### 4.1 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam

Trong năm 2017, Công ty đã góp đủ vốn cam kết vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam, với tỷ lệ góp vốn là 71,6% tổng vốn điều lệ được đăng ký của công ty này. Kể từ thời điểm được thành lập đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam chưa thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như được nêu trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700778275 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

##### 4.2 Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam

Trong kỳ tài chính sáu tháng đầu năm 2017, Công ty đã mua thêm 17.600 cổ phần (tương ứng với 0,12% vốn cổ phần) tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, một công ty con của Công ty. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con này tăng lên từ 61,49% thành 61,61%.

Giá phí phải trả bằng tiền cho giao dịch mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam là 743.440.900 VND. Phần chênh lệch giữa giá phí của khoản đầu tư thêm và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị tài sản thuần của công ty con này là 335.121.831 VND được Công ty ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	6.063.669.665	10.381.161.036
Tiền gửi ngân hàng	117.960.249.954	146.117.998.681
Các khoản tương đương tiền (*)	59.514.628.400	21.049.005.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>183.538.548.019</b>	<b>177.548.165.322</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất 4,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: lãi suất 5,2%/năm).

#### 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND					
	30 tháng 6 năm 2017			31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh:						
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cây Rau Quả	731.612.000	(63.821.000)	667.791.000	1.178.270.000	-	1.226.856.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>731.612.000</b>	<b>(63.821.000)</b>	<b>667.791.000</b>	<b>1.178.270.000</b>	<b>-</b>	<b>1.226.856.400</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Điện Biên Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12.120.420.000	9.808.800.000
Phải thu từ khách hàng khác	-	46.208.800.000
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	159.289.683.973	140.291.821.125
	<u>127.500.000</u>	<u>128.752.500</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>171.537.603.973</u></b>	<b><u>196.438.173.625</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.114.309.553)	(5.330.934.860)

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước tiền mua cổ phần <i>Công ty Cổ phần An Phú Hưng (*)</i>	10.229.854.000	3.500.000.000
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán <i>Công ty TNHH Kỹ Thuật Nông Nghiệp Đông Á</i>	10.229.854.000	3.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Trang Lâm Viên</i>	18.961.502.100	5.398.960.000
<i>Công ty Cổ phần Thái Phong</i>	7.198.323.000	-
<i>Công ty Cổ phần Performance Motors Việt Nam</i>	5.555.260.400	-
<i>Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác</i>	4.115.873.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp khác <i>Trần Văn Thuận</i>	-	3.313.000.000
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	2.092.045.700	2.085.960.000
	19.732.554.184	32.791.398.184
	35.214.000	899.568.672
	<u>19.697.340.184</u>	<u>31.891.829.512</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>48.923.910.284</u></b>	<b><u>41.690.358.184</u></b>

(\*) Đây là khoản trả trước về tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam, một công ty con của Công ty theo Hợp đồng số 2017/HĐCN-NSC-AnPhuHung năm 2017 ký với Công ty Cổ phần An Phú Hưng. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần này chưa được hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đầu tư vào cổ phiếu (*)	12.715.380.000	12.715.380.000
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	13.527.852.255	10.767.567.911
Phải thu dự án	2.139.634.696	4.686.153.037
Ký cược, ký quỹ	994.963.625	1.135.018.230
Phải thu lãi tiền gửi	122.072.222	-
Phải thu khác	10.285.940.104	7.388.278.931
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>39.785.842.902</u></b>	<b><u>36.692.398.109</u></b>

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (646.324.790) -

(\*) Đây là số tiền đã được chi trả để đầu tư vào cổ phiếu của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và kinh doanh các sản phẩm giống cây trồng, tuy nhiên công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mua cổ phần tại doanh nghiệp này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**9. NỢ XẤU**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Đối tượng nợ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Thương Mại Dịch vụ Đăk Nông	654.711.000	-	654.711.000	-
Khách hàng khác	5.105.923.343	-	4.676.223.860	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.760.634.343</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.330.934.860</u></b>	<b><u>-</u></b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	316.779.587.312	(3.296.850.436)	242.966.628.124	(2.717.657.429)
Hàng hóa	13.807.881.035	(14.244.979)	40.099.416.907	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	36.680.698.223	(309.904.422)	49.840.723.705	(527.059.669)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.958.783.700	-	12.834.112.354	-
Công cụ, dụng cụ	2.274.914.875	-	1.779.763.530	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>376.501.865.145</u></b>	<b><u>(3.620.999.837)</u></b>	<b><u>347.520.644.620</u></b>	<b><u>(3.244.717.098)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	3.244.717.098	14.711.605.733
Dự phòng trích lập trong kỳ (*)	5.125.820.435	4.355.692.943
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(4.749.537.696)</u>	<u>(15.407.045.181)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.620.999.837</u></b>	<b><u>3.660.253.495</u></b>

(\*) Trong kỳ, Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số chủng loại giống ngô và lúa không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b><i>Ngắn hạn</i></b>		
Chi phí bao bì, tem nhãn	3.083.937.645	5.313.492.467
Tiền thuê đất	670.604.903	-
Công cụ, dụng cụ	670.038.634	282.352.410
Chi phí sửa chữa, cải tạo	542.666.290	397.655.618
Khác	<u>665.988.319</u>	<u>499.285.610</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.633.235.791</u></b>	<b><u>6.492.786.105</u></b>
<b><i>Dài hạn</i></b>		
Tiền thuê đất	6.297.080.000	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.162.666.370	3.538.866.251
Chi phí nghiên cứu giống	885.281.295	4.333.704.571
Công cụ, dụng cụ	510.637.115	1.132.840.276
Khác	<u>1.600.616.539</u>	<u>2.778.793.434</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.456.281.319</u></b>	<b><u>11.784.204.532</u></b>

## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	220.298.623.136	114.974.526.096	36.076.962.902	4.578.235.357	160.000.000	376.088.347.491	
Mua trong kỳ	3.264.145.484	5.660.913.390	3.659.926.340	87.999.999	-	12.672.985.213	
Thanh lý, nhượng bán	(108.231.000)	-	-	-	-	(108.231.000)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	223.454.537.620	120.635.439.486	39.736.889.242	4.666.235.356	160.000.000	388.653.101.704	
<b>Trong đó:</b>							
Đã khấu hao hết	28.280.499.091	24.561.984.653	8.871.846.954	1.135.518.792	160.000.000	63.009.849.490	
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	74.555.399.354	52.586.848.445	21.729.268.349	2.696.913.754	160.000.000	151.728.429.902	
Khấu hao trong kỳ	6.461.623.114	5.281.260.939	1.686.242.783	415.865.484	-	13.844.992.320	
Thanh lý, nhượng bán	(61.631.549)	-	-	-	-	(61.631.549)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	80.955.390.919	57.868.109.384	23.415.511.132	3.112.779.238	160.000.000	165.511.790.673	
<b>Giá trị còn lại:</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	145.743.223.782	62.387.677.651	14.347.694.553	1.881.321.603	-	224.359.917.589	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	142.499.146.701	62.767.330.102	16.321.378.110	1.553.456.118	-	223.141.311.031	

Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.2.

## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	156.014.620.089	58.382.682.274	1.936.638.824	11.761.600.000	228.095.541.187
Mua mới trong kỳ	-	-	293.150.000	375.000.000	668.150.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	156.014.620.089	58.382.682.274	2.229.788.824	12.136.600.000	228.763.691.187
<b>Trong đó:</b>					
Đã hao mòn hết	-	586.390.520	254.663.824	4.826.600.000	5.667.654.344
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	7.641.602.601	670.946.616	8.139.370.847	16.451.920.064
Hao mòn trong kỳ	-	1.160.673.731	178.319.859	668.500.008	2.007.493.598
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	8.802.276.332	849.266.475	8.807.870.855	18.459.413.662
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	156.014.620.089	50.741.079.673	1.265.692.208	3.622.229.153	211.643.621.123
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	156.014.620.089	49.580.405.942	1.380.522.349	3.328.729.145	210.304.277.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dự án Nhà máy Công nghệ cao Hà Nam	12.569.064.781	-
Quyền sử dụng đất	11.903.862.672	11.903.862.672
Dự án Phương Mai - Nhà cao tầng	1.019.394.700	2.113.446.664
Công trình khác	241.023.300	540.181.290
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.733.345.453</u></b>	<b><u>14.557.490.626</u></b>

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu) Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)		Số lượng (cổ phiếu) Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (*)	13.333.640.000	99.938	-	13.333.640.000	99.938	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.333.640.000</b>		<b>-</b>	<b>13.333.640.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty sở hữu 10,03% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình.

## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Đơn vị tính: VND		
	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	26.557.087.281	1.911.006.045	232.759.389.035
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	26.557.087.281	1.911.006.045	232.759.389.035
<b>Phân bổ lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	15.934.252.369	522.894.963	40.732.893.081
- Phân bổ trong kỳ	1.327.854.364	95.550.302	11.637.969.449
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	17.262.106.733	618.445.265	52.370.862.530
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	10.622.834.912	1.388.111.082	192.026.495.954
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	9.294.980.548	1.292.560.780	180.388.526.505
			<b>Tổng cộng</b>
			261.227.482.361
			261.227.482.361
			57.190.040.413
			13.061.374.115
			70.251.414.528
			204.037.441.948
			190.976.067.833



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**17.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà thầu xây dựng	1.217.515.023	1.217.515.023	1.843.768.207	1.843.768.207
Phải trả cho người bán	69.702.799.961	69.702.799.961	81.835.668.074	81.835.668.074
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	9.320.326.632	9.320.326.632	27.306.662.831	27.306.662.831
- Công ty TNHH Sichuan Longping High-tech	708.156.806	708.156.806	4.867.181.892	4.867.181.892
- Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 19	-	-	3.641.009.520	3.641.009.520
- Công ty TNHH Sichuan Nongda High-tech	-	-	2.274.610.950	2.274.610.950
- Phải trả đối tượng khác	59.674.316.523	59.674.316.523	43.746.202.881	43.746.202.881
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70.920.314.984</b>	<b>70.920.314.984</b>	<b>83.679.436.281</b>	<b>83.679.436.281</b>

**17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nghệ An	-	5.000.000.000
Người mua trả tiền trước khác	19.222.430.091	40.500.445.324
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.222.430.091</b>	<b>45.500.445.324</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	474.225.496	395.770.803	(369.902.342)	500.093.957
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.859.268.636	8.337.404.489	(11.337.951.260)	5.858.721.865
Thuế thu nhập cá nhân	4.731.053.777	3.539.037.277	(7.501.990.883)	768.100.171
Thuế khác	432.659.334	1.732.391.994	(1.966.267.776)	198.783.552
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.497.207.243</b>	<b>14.004.604.563</b>	<b>(21.176.112.261)</b>	<b>7.325.699.545</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí lãi vay phải trả	90.674.786	755.712.054
Chiết khấu thanh toán	-	209.420.848
Chi phí mua bản quyền	2.256.981.677	2.636.090.229
Chi phí phải trả khác	2.274.282.674	1.558.812.928
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.621.939.137</b>	<b>5.160.036.059</b>

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cổ tức phải trả	24.914.945.310	24.914.945.310
Quỹ lương của năm 2015 trở về trước đã nộp thuế TNDN	11.175.613.885	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.132.871.290	3.132.871.290
Chi phí đền bù đất phải trả - Dự án Đồng Văn	2.847.000.000	2.847.000.000
Tạm ứng từ Quỹ VBCF	1.416.604.000	1.416.604.000
Kinh phí hỗ trợ mua giống gốc để sản xuất lúa lai	-	984.550.275
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	3.638.562.382	995.207.262
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.214.184.393	616.423.120
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.124.817.056	1.053.317.056
Chi phí phải trả - Các dự án lúa	729.486.500	43.074.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.315.380.270	1.999.786.478
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.509.465.086</b>	<b>38.003.779.691</b>

Trong đó:

- Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 32)	17.206.875.000	17.193.969.000
- Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	36.302.590.086	20.809.810.691

## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VAY VÀ NỢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>123.225.506.839</b>	<b>123.225.506.339</b>	<b>140.925.235.950</b>	<b>(146.866.674.714)</b>	<b>117.284.068.075</b>	<b>117.284.068.075</b>	
Vay ngân hàng ngắn hạn	87.906.619.964	87.906.619.964	133.162.500.000	(129.639.119.964)	91.430.000.000	91.430.000.000	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	35.318.886.875	35.318.886.375	7.762.735.950	(17.227.554.750)	25.854.068.075	25.854.068.075	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>7.762.735.950</b>	<b>7.762.735.950</b>	<b>-</b>	<b>(7.762.735.950)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
Vay ngân hàng dài hạn	7.762.735.950	7.762.735.950	-	(7.762.735.950)	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130.988.242.789</b>	<b>130.988.242.789</b>	<b>140.925.235.950</b>	<b>(154.629.410.664)</b>	<b>117.284.068.075</b>	<b>117.284.068.075</b>	

#### 21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	87.130.000.000	Thời hạn cho vay theo từng khế ước nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Không
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	4.300.000.000	Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Hợp đồng vay có hiệu lực đến hết ngày 17 tháng 9 năm 2017.	Không
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.430.000.000</b>		

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc và lãi (VND)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	23.262.735.950	Gốc vay thanh toán sau 24 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 14 tháng 2 năm 2015 và theo phụ lục hợp đồng được lập sau thời gian ân hạn. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	Toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại Thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan – Chi nhánh Hà Nội	2.591.332.125	Đáo hạn vào ngày 22 tháng 1 năm 2018. Gốc thanh toán 3 tháng/lần sau thời gian ân hạn 1 năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 22 tháng 1 năm 2015. Lãi thanh toán theo kỳ hạn ba tháng trong năm thứ nhất và được thanh toán hàng tháng kể từ năm thứ hai.	Tại sản hình thành từ vốn vay cho Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại Thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.

**TỔNG CỘNG** 25.854.068.075

**Trong đó:**

- Vay dài hạn đến hạn trả 25.854.068.075  
- Vay dài hạn -

## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 22.1 *Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	152.950.000.000	331.245.527.850	(20.000.000)	197.714.342.649	123.365.732.124	197.395.215.856	1.002.650.818.479
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	75.524.646.050	9.052.340.678	84.576.986.728
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20.000.000)	-	-	-	(20.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thường hoàn thành, vượt kế hoạch lợi nhuận	-	-	-	86.300.576.516	(86.300.576.516)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.385.511.470)	(1.578.748.679)	(18.964.260.149)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(30.576.756.000)	(11.546.474.000)	(42.123.230.000)
Sử dụng quỹ Giảm khác	-	-	-	(3.012.793.386)	(1.106.017.000)	(83.160.000)	(1.189.177.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	281.002.125.779	63.521.517.188	192.847.945.437	1.021.527.116.254

Đơn vị tính: VND

## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 22.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
							Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	266.737.107.432	139.897.046.908	194.835.982.685	1.085.675.664.875
Tăng vốn góp trong kỳ	-	-	-	-	-	11.700.000.000	11.700.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	90.420.961.666	8.105.614.882	-	98.526.576.548
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	(57.295.014.081)	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Khen thưởng và phúc lợi (*)	-	-	-	-	(22.895.222.225)	(1.353.192.814)	(24.248.415.039)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(22.925.292.000)	(731.250.000)	(23.656.542.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(440.048.000)	(149.968.665)	(590.016.665)
Sử dụng các quỹ (**)	-	-	-	(9.835.728.473)	-	(709.746.996)	(10.545.475.469)
Giảm khác	-	-	-	-	(335.121.831)	(801.006.742)	(1.136.128.573)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	314.246.393.040	126.427.310.437	210.896.432.350	1.135.725.663.677

(\*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết số 26/NQ-DHCHĐ2017 của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty mẹ ngày 18 tháng 4 năm 2017; Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và Nghị quyết số 10/NQ-DHCHĐ2017 ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây.

(\*\*) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp	152.950.000.000	152.950.000.000	-	152.950.000.000	152.950.000.000	-
Vốn góp của Công ty Cổ phần PAN FARM	114.712.500.000	114.712.500.000	-	114.712.500.000	114.712.500.000	-
Vốn góp của đối tượng khác	38.237.500.000	38.237.500.000	-	38.237.500.000	38.237.500.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>-</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>-</b>

**22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ	152.950.000.000	152.950.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	152.950.000.000	152.950.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>	<b>22.925.292.000</b>	<b>30.576.756.000</b>
Cổ tức cho năm 2016, đợt 2: 1.500 đồng/cổ phiếu	22.925.292.000	-
Cổ tức cho năm 2015, đợt 2: 2.000 đồng/cổ phiếu		30.576.756.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>	<b>22.925.292.000</b>	-
Cổ tức cho năm 2016, đợt 1: 1.500 đồng/cổ phiếu	22.925.292.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	15.295.000	15.295.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	15.295.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)</b>		
Cổ phiếu phổ thông	11.472	11.472
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	15.283.528	15.283.528
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2016: 10.000 đồng/cổ phiếu).

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	762.740.055	762.740.055
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	-	94.397.860.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	11.417	12.437
- Euro (EUR)	2.171	1
- Nhân dân tệ (CNY)	93.673	97.473
- Kíp Lào (LAK)	1.000.000	1.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	3.345.964.329	3.300.578.518



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>194.835.982.685</b>	<b>197.395.215.856</b>
Tăng do góp vốn vào công ty con	11.700.000.000	-
Lợi nhuận thuộc về cổ đông không kiểm soát trong kỳ	8.105.614.882	9.052.340.678
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.353.192.814)	(1.578.748.679)
Cổ tức công bố	(731.250.000)	(11.546.474.000)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	(709.746.996)	-
Giảm do công ty mẹ mua thêm cổ phần tại công ty con hiện hữu	(408.319.069)	-
Ảnh hưởng của chi phí khấu hao do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản	(392.687.673)	(391.228.418)
Thù lao Hội đồng Quản trị	(149.968.665)	(83.160.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.896.432.350</b>	<b>192.847.945.437</b>

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>796.845.862.241</b>	<b>744.246.358.847</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	794.654.076.180	739.913.884.045
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.191.786.061	4.332.474.802
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>57.249.436.363</b>	<b>64.505.468.718</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	27.471.232.614	22.243.764.089
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	27.397.350.249	39.327.513.479
<i>Giảm giá hàng bán</i>	2.380.853.500	2.934.191.150
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>739.596.425.878</b>	<b>679.740.890.129</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	736.964.810.726	675.408.415.327
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.631.615.152	4.332.474.802
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba</i>	739.382.955.878	672.058.785.146
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	213.470.000	7.682.104.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. DOANH THU** (tiếp theo)

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Cổ tức được chia	4.827.498.000	199.999.500
Hỗ trợ lãi vay vốn	1.289.418.000	-
Lãi tiền gửi	917.101.620	1.122.982.133
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	50.089.051	1.755.537.369
Doanh thu tài chính khác	9.687.000	17.589.236
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.093.793.671</u></b>	<b><u>3.096.108.238</u></b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	487.212.091.757	445.138.931.349
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuần	5.125.820.435	4.355.692.943
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>492.337.912.192</u></b>	<b><u>449.494.624.292</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	4.313.332.014	7.641.006.424
Chiết khấu thanh toán	4.974.183.034	3.740.157.184
Lỗ chênh lệch tỷ giá	793.605.857	32.138.563
Trích lập/(Hoàn nhập) giảm giá đầu tư ngắn hạn	63.821.000	(26.666.600)
Lỗ thanh lý khoản đầu tư	33.908.000	-
Chi phí tài chính khác	155.122.000	29.915.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.333.971.905</u></b>	<b><u>11.416.551.171</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>59.638.645.735</b>	<b>59.536.541.758</b>
- Chi phí tiền lương, tiền công lao động	16.312.844.258	18.989.830.772
- Chi phí vận chuyển	15.640.780.922	15.950.637.649
- Chi phí khấu hao	1.619.452.540	1.529.382.082
- Chi phí bán hàng khác	26.065.568.015	23.066.691.255
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>75.870.732.943</b>	<b>70.982.730.254</b>
- Chi phí tiền lương, tiền công lao động	32.692.784.326	36.152.804.936
- Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	13.061.374.115	13.061.374.118
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	30.116.574.502	21.768.551.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>135.509.378.678</u></b>	<b><u>130.519.272.012</u></b>

**29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.606.736.988</b>	<b>1.351.801.304</b>
Thu nhập từ cho thuê kho	104.545.455	-
Thu nhập khác	1.502.191.533	1.351.801.304
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.944.220.528</b>	<b>109.055.478</b>
Thanh lý, xóa sổ tài sản	1.140.651.385	-
Chi phí thuê kho	104.440.818	-
Chi phí phạt	175.692.158	-
Chi phí khác	523.436.167	109.055.478
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>(337.483.540)</u></b>	<b><u>1.242.745.826</u></b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu	496.882.969.886	454.395.682.112
Chi phí nhân công	73.420.274.717	70.520.645.306
Chi phí khấu hao và khấu trừ	28.521.172.360	28.551.708.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.074.662.134	40.887.443.196
Chi phí khác	24.594.306.435	24.208.988.779
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>669.493.385.532</u></b>	<b><u>618.564.467.692</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

***Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương***

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN;
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm (từ năm 2011) và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

***Các công ty con***

Thuế suất TNDN của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, một công ty con của Công ty, là 20% trên tổng thu nhập và được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận số 08/DK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 7 năm 2012. Theo đó, thuế suất của Công ty cho sáu tháng đầu năm 2017 là 10% (và sáu tháng đầu năm 2016 là 5%).

Thuế suất TNDN của các công ty con khác là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thuế TNDN hiện hành	7.975.865.345	6.019.260.548
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa)/thiếu kỳ trước	(190.964.190)	153.125.686
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.859.995.531	1.899.923.756
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.644.896.686</u></b>	<b><u>8.072.309.990</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>108.171.473.234</b>	<b>92.649.296.718</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty		
- Hoạt động khoa học và công nghệ: 5%	4.495.846.917	6.522.137.139
- Hoạt động khoa học và công nghệ: 10%	2.534.559.812	-
- Hoạt động khác: 20%	1.454.758.022	1.129.113.384
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	-	153.125.686
Quý lương trích chưa chia hết	278.935.166	-
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	23.868.725	24.120.865
Chi phí phải trả và các chênh lệch khác	1.716.720.820	1.922.745.332
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(279.634.900)	(1.678.932.416)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những kỳ trước	(190.964.190)	-
Chiết khấu thương mại đã lĩnh thuế kỳ trước	(389.193.686)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>9.644.896.686</u></b>	<b><u>8.072.309.990</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**31.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
	<i>năm 2017</i>	<i>12 năm 2016</i>		
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Chi phí phải trả	1.507.958.971	3.804.422.857	(2.296.463.886)	(2.064.564.942)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	194.729.091	166.574.908	28.154.183	(103.737.516)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	191.312.866	-	191.312.866	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	274.290.969	182.238.133	92.052.836	143.430.232
Giao dịch bán tài sản nội bộ	20.662.573	20.662.573	-	-
	<b>2.188.954.470</b>	<b>4.173.898.471</b>	<b>(1.984.944.001)</b>	<b>(2.024.872.226)</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh	33.731.835.575	33.856.784.045	124.948.470	124.948.470
	<b>33.731.835.575</b>	<b>33.856.784.045</b>	<b>124.948.470</b>	<b>124.948.470</b>
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b>			<b>(1.859.995.531)</b>	<b>(1.899.923.756)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, thành phẩm	202.500.000	7.678.670.583
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán thành phẩm	10.970.000	3.434.400
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức năm 2016 Cổ tức đã công bố	17.206.875.000 17.206.875.000	- -

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Công ty và các công ty con cho vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2016: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	127.500.000	128.752.500
			<b>127.500.000</b>	<b>128.752.500</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)</i></b>				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2016	17.206.875.000	17.193.969.000
			<b>17.206.875.000</b>	<b>17.193.969.000</b>

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong kỳ:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng	5.084.740.405	4.948.372.011
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.084.740.405</b>	<b>4.948.372.011</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	90.420.961.666	75.524.646.050
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(7.552.484.605)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ</b>	<b><u>90.420.961.666</u></b>	<b><u>67.972.181.445</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>15.283.528</u>	<u>15.285.667</u>
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>15.283.528</u></b>	<b><u>15.285.667</u></b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- <i>Lãi cơ bản</i>	5.916	4.447
- <i>Lãi suy giảm</i>	5.916	4.447

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty mẹ được trích lập từ lợi nhuận của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26/NQ-ĐHCĐ2017 ngày 18 tháng 4 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2017 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty và các công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đến 1 năm	2.319.957.545	2.664.789.805
Từ 1 – 5 năm	11.892.105.294	9.398.912.726
Từ 5 năm	14.360.973.859	17.932.338.003
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>28.573.036.698</u></b>	<b><u>29.996.040.534</u></b>

**Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 6,2 tỷ đồng liên quan đến việc xây dựng “Dự án Công nghệ cao Hà Nam tại Thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam”.

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

 _____ Người lập Nguyễn Thị Như Quỳnh	 _____ Kế toán trưởng Phan Thế Tý	 _____ Tổng Giám đốc Trần Kim Liên
---	---	---

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

